

Bản án số: 10/2018/DS-PT

Ngày: 02 - 02 - 2018

V/v Tranh chấp di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phần

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Thu Hà

Bà Lê Thị Thanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lý Văn Dương, thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Nam - Kiểm sát V.

Trong các ngày 29 tháng 01 năm 2018 và ngày 02 tháng 02 năm 2018 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa để xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 70/2017/TLPT-DS ngày 15/11/2017 về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DSST ngày 13 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 88/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: anh Cao Văn B, sinh năm 1982. Trú tại : Xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Các bị đơn:

1. Bà Cao Thị S, sinh năm 1950; Trú tại: Khối 6, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S: Luật sư Đặng Văn C, thuộc Văn phòng luật sư Ch - Đoàn luật sư Hà Nội. Có mặt. (Vắng mặt khi tuyên án).

2. Bà Cao Thị Nh, sinh năm 1952; Trú tại: Xóm 2, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin vắng mặt.

3. Bà Cao Thị Th1, sinh năm 1956; Trú tại: Số nhà 101/606, tổ 28, phường Ng, quận L, Tp Hà Nội. Vắng mặt.

- Người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1: Ông Ngô Bá Th, sinh năm 1956; Trú tại: Số nhà 101/606, tổ 28, phường Ng, quận L, thành phố Hà Nội. Có mặt. (Vắng mặt khi tuyên án).

4. Bà Cao Thị Th, sinh năm 1960; Trú tại: Khối 2, Thị trấn D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

5. Bà Cao Thị N, sinh năm 1960; Trú tại: Xóm 1, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt. (Vắng mặt khi tuyên án).

6. Bà Cao Thị S1, sinh năm 1964; Trú tại: Xóm 7, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt. (Vắng mặt khi tuyên án).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị L, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có đơn xin vắng mặt.

2. Ông Hoàng Văn V, sinh năm 1959. Trú tại: Xóm 9, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

- Người kháng cáo: Bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm vụ án có nội dung:

Trong Đơn khởi kiện đề ngày 30/03/2016, các lời khai, hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm anh Cao Văn B, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho anh B trình bày: Cụ ông Cao Văn L và cụ bà Võ Thị K sinh được hai người con, một người con gái đầu đã mất, người con trai thứ hai là anh Cao Văn B (là con riêng của ông L), sau khi sinh anh B, Cụ L đưa anh B về ở với gì Thái Thị Ch tức là vợ chính thức của cụ L tại

xóm 8 xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An, ngoài anh B ra cụ ông Cao Văn L và cụ bà Thái Thị Ch còn có 6 người con chung gồm bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, và bà Cao Thị S1. Cụ L và cụ Ch có một thửa đất số 1101, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa số 984 tờ bản đồ số 05) có diện tích 432m² tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Năm 2008, cụ L đến UBND xã D để lập di chúc cho anh B được hưởng phần di sản của bố là 216 m². Ngày 21/10/2013, cụ L chết, sau khi cụ L chết 06 chị gái là con của cụ L và cụ Ch không nhất trí theo bản di chúc, nên anh B làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế của ông cụ L theo bản di chúc do cụ L để lại. Hơn nữa, khi cụ L còn sống, cụ L và cụ Ch cho vợ chồng anh B làm hai gian nhà ở trên thửa đất trên, cụ L cũng lập di chúc cho anh B được hưởng phần di sản của cụ để lại, do thửa đất này là tài sản chung của cụ L với bà Thái Thị Ch nên khi lập di chúc cụ không nói rõ phần đất cho anh B ở đâu trong thửa đất. Vì vậy, anh B yêu cầu Tòa án chia tài sản thừa kế theo di chúc cụ L và có nguyện vọng chia đất cho anh chỗ nào trong thửa số 984 anh cũng nhất trí.

Các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị N và bà Cao Thị S1, người đại diện theo ủy quyền của bà Th1 đều thống nhất trình bày: Bố mẹ của các bà là cụ ông Cao Văn L và cụ bà Thái Thị Ch, sinh được 06 người con gái là Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N và bà Cao Thị S1. Ngoài 06 người con gái thì bố các bà (Cụ L) còn có hai người con riêng; một là anh Hoàng Văn V hiện nay trú tại xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An; hai là anh Cao Văn B. Anh B ở với bố mẹ các bà là cụ L và cụ Ch từ lúc còn sống khỏe mạnh cho đến lúc chết. Nay anh Cao Văn B yêu cầu chia di sản của bố mẹ các bà theo di chúc, các bà hoàn toàn không nhất trí. Vì, thửa đất số 1101 tờ bản đồ số 07 (thửa mới số 984 tờ bản đồ số 05) diện tích là 432m² là của mẹ các bà (Cụ Ch). Khi bố mẹ các bà kết hôn, bố mẹ các bà về sống chung với ông bà nội, sau đó bố mẹ các bà chuyển nhà lên xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Khi chuyển nhà bố mẹ các bà đã bán nhà chia nhau, còn đất mẹ các bà (Cụ Thái Thị Ch) được cấp từ năm 1977 cho đến nay. Khi cấp đất bố các bà (Cụ Cao Văn L) đã đi thoát ly (bố các bà là cán bộ nhà nước), vì vậy bố các bà là cụ L không có quyền sử dụng đất. Trước khi mẹ các bà chết, mẹ các bà (Cụ Thái Thị Ch) có viết di chúc để lại ½ thửa đất số 984 tờ bản đồ số 05 có diện tích là 432m² cho 06 chị em các bà, còn ½ diện tích để lại làm nơi thờ cúng. Ngoài ra khi bố các bà còn sống, bố các bà (Cụ L) có lập di chúc cho con riêng của bố các bà là anh Hoàng Văn V. Vì vậy các bà S, bà Nh, bà Th1, bà Th, bà N và bà S1 không chấp nhận việc lập di chúc của bố các bà (Cụ L) để lại tài sản cho anh Cao Văn B.

Chị Trần Thị L (Vợ anh Cao Văn B) trình bày: Chị L về làm dâu cụ Cao Văn L và cụ Thái Thị Ch, vợ chồng chị sống chung với vợ chồng cụ L và cụ Ch, khi chị L về làm dâu, cụ L, cụ Ch còn khỏe mạnh. Vợ chồng chị L là người chăm sóc cụ Ch, cụ L từ khi còn khỏe mạnh và đến lúc chết và lo tang lễ cho các cụ hoàn tất. Khi còn sống vợ chồng cụ L, cụ Ch cho phép vợ chồng chị L làm hai gian nhà liền kề với nhà cụ L, cụ Ch để tiện sinh hoạt. Nhưng sau khi cụ L, cụ Ch chết các chị gái của anh B (Chồng chị L) đuổi vợ chồng chị ra khỏi nhà và gây khó khăn cho vợ chồng chị. Nay chị L nhất trí yêu cầu khởi kiện của anh Cao Văn B là yêu cầu Tòa án chia di sản thừa kế của cụ L. Còn đối với hai gian nhà do vợ chồng chị làm ra được sự đồng ý của cụ L và cụ Ch, nếu anh Cao Văn B được hưởng thừa kế theo di chúc của cụ L phần nhà không đúng phần đất thì chị L chưa yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản trên đất, sau này có tranh chấp chị L sẽ yêu cầu giải quyết bằng vụ án khác.

Ông Hoàng Văn V trình bày: Ông V là con riêng (Con ngoài giá thú) của cụ Cao Văn L, trước khi cụ L chết có lập di chúc cho ông V được hưởng phần di sản của cụ Cao Văn L. Nay anh B yêu cầu chia tài sản của cụ Cao Văn L theo di chúc của anh B xuất trình, ông V không đồng ý. Vì theo ông V cho rằng, bản di chúc của ông V mới là hợp pháp vì, cụ L lập di chúc cho ông V trước bản di chúc của anh B. Vì vậy tài sản là di sản của cụ L đó là của ông V, nên ông V đề nghị Tòa án giao tài sản của ông V cho các chị gái cùng cha khác mẹ với ông.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 21/2017/DSST ngày 13/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện D, tỉnh Nghệ An đã quyết định: Áp dụng: Điều 227 và 228 BLTTDS; khoản 5 Điều 113, khoản 1 Điều 106 Luật đất đai năm 2003; Điều 647, 648, 650, 652, 653, 654, 656 và Điều 657 BLDS năm 2003.

Xử: Giao cho anh Cao Văn B được quyền sử dụng 216 m² đất là di sản thừa kế của ông Cao Văn L để lại Theo di chúc (trong đó có 100 m² đất ở, và 116 m² đất vườn) có giá 156.380.000 đồng, thuộc thửa đất số 1101, tờ bản đồ số 7 (Thửa mới số 984, tờ bản đồ số 05) tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ranh giới đất được xác định cụ thể như sau:

Phía Tây giáp đường liên thôn có chiều dài là 10,56m; Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn A có chiều dài 20,5m; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T có chiều dài 10,56m; Phía Bắc giáp đất bà Thái Thị Ch nay giao cho bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 có chiều dài 20,4m,

Giao cho bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1, 232,7m² đất. Trong đó có 100m² đất ở và 132,7m² đất vườn

(Trong diện tích đất vườn tạm giao 16,7m² đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), có giá trị là 156.380.000 đồng, thuộc tờ bản đồ số 1101, tờ bản đồ số 7 (Thửa mới số 984, tờ bản đồ số 05) tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An.

Ranh giới đất cụ thể: phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn có chiều dài 20,2m; phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T dài 11,04m; phía Tây giáp đường Giao thông xóm dài 11,88 m, Phía Nam Giáp đất nhà anh Cao Văn B có chiều dài 20,4m.

Ngoài ra Bản án còn quyết định nghĩa vụ của người phải chịu án phí, quyền và nghĩa vụ của người thi hành án dân sự và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/9/2017, các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 kháng cáo có cùng nội dung: Bản di chúc của cụ Cao Văn L (Bố các bà) viết ngày 29/10/2008 để lại tài sản cho anh Cao Văn B là vô hiệu. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ vụ án.

Ngày 27/9/2017, ông Ngô Bá Th, người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1 kháng cáo với nội dung: Tại cấp sơ thẩm ông Th đã có đơn xin thay đổi thẩm phán Cao Xuân H nhưng không được chấp nhận. Ông Cao Xuân H vẫn xử vụ án là vi phạm nghiêm trọng tố tụng. Bản di chúc ngày 29/10/2008 của cụ Cao Văn L là vô hiệu. Vì, nội dung bản di chúc là ép buộc, dàn dựng, sai sự thật xâm phạm quyền và lợi ích của bà Thái Thị Ch là mẹ của bà Cao Thị Th1. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xem xét lại toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1 giữ nguyên nội dung kháng cáo và bổ sung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm tuyên bố di chúc ngày 29/10/2008 của cụ Cao Văn L di chúc để lại tài sản cho anh Cao Văn B là vô hiệu và bác yêu cầu khởi kiện của anh B.

Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các bên đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 21/4/2016 và đưa ra xét xử sau khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1, hủy Bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu có tại hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, người đại diện theo ủy quyền của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà S đã được thẩm tra, ý kiến của các đương sự và ý kiến Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm. Xét kháng cáo của các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà Cao Thị S và ông Ngô Bá Th người đại diện theo ủy quyền của bà Th1 cho rằng, Thẩm phán chủ tọa phiên tòa sơ thẩm không vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án và yêu cầu thay đổi Thẩm phán, nhưng không có căn cứ để chứng minh. Do đó Hội đồng xét xử sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về việc thay đổi Thẩm phán của bà S, ông Th là có căn cứ quy định tại Điều 52 và Điều 53 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với nội dung các bị đơn và Kiểm sát viên cho rằng, vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 21/4/2016 và đưa ra xét xử sau khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng dân sự. Thấy rằng; tại các cuộc hòa giải ngày 12/7/2016 (Bl, 83); ngày 10/10/2016 (Bl,80); ngày 22/11/2016 (Bl,92) được tiến hành sau khi Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật. Mặc dù trước khi hòa giải Thẩm phán cấp sơ thẩm không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ, tuy nhiên tại các cuộc hòa giải các bên đương sự đều tham gia đầy đủ và đều biết được các chứng cứ của các bên đưa ra làm căn cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình để phục vụ giải quyết tranh chấp. Và sau khi kết thúc các cuộc hòa giải Thẩm phán cấp sơ thẩm đều phổ biến và yêu cầu các bên đương sự tiếp tục cung cấp chứng cứ bổ sung. Hơn nữa thời gian giải quyết vụ án kéo dài, phiên tòa sơ thẩm tạm hoãn nhiều lần, nhưng các bên đương sự không yêu cầu cũng khiếu nại về các chứng cứ mà các bên xuất trình tại Tòa án. Do đó việc cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải mà không tiến hành phiên họp công khai chứng cứ là vi phạm thủ tục tố tụng, nhưng không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự, nhưng cấp sơ thẩm cũng cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung:

Cụ Cao Văn L và cụ Thái Thị Ch lấy nhau năm 1947, sinh được 06 người con gồm; Bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị S1. Do chưa có con trai nên cụ L sống chung với cụ Võ Thị K có một người con trai là anh Cao Văn B, sinh năm 1982. Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và phúc thẩm các bà S, bà Nh, bà Th, bà Th1, bà N, bà S1 con của cụ L thừa nhận cụ Cao Văn L sống chung với cụ Võ Thị K có hai người con, một người con gái chết khi 7 tuổi và một người con trai là anh Cao Văn B và khẳng định anh Cao Văn B là con trai cụ L, anh B đã sống cùng gia đình cụ L, cụ Ch từ khi còn đi học tiểu học và về ở hẳn với gia đình cụ L và cụ Ch tại Xóm 8, xã D, huyện D từ năm 2008.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bà S, bà Th, bà N, bà S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Th1 nại; Diện tích đất thổ cư đang tranh chấp cấp cho hộ gia đình bà Thái Thị Ch trong đó có các bà. Thấy rằng, tại Biên bản xác minh ngày 30/01/2018 và tại phiên tòa phúc thẩm bà S, bà Th xác định; tại thời điểm thực hiện theo nghị định 64/CP về việc giao đất cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng, năm 1996 hộ gia đình bà Ch chỉ có vợ chồng cụ L và cụ Ch, còn các con của các cụ đã lấy chồng và người kết hôn sau cùng là bà Th vào năm 1993. Do đó các bà S, bà Th1, bà Th, bà N và bà S1 cho rằng thửa đất đang tranh chấp cấp cho hộ gia đình bà Ch trong đó có các bà là không có cơ sở.

Xét lời nại của các bà S, bà Th, bà Th1, bà N, bà S1 cho rằng, di chúc ngày 29/10/2008 của cụ Cao Văn L về việc cụ L di chúc để lại $\frac{1}{2}$ (216m²) đất thổ cư tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh nghệ An cho anh Cao Văn B là trái pháp luật, thấy rằng: Căn cứ lời trình bày của anh Đặng Văn Á (Bl,141) là người được cụ L nhờ viết di chúc; Trình bày của ông Hoàng Văn Th (Bl,146) và tại phiên tòa sơ thẩm (Bl,201), ông Th, anh Á là những người làm chứng xác định: Tại thời điểm cụ Cao Văn L lập di chúc ngày 29/10/2008 cụ L minh mẫn, khỏe mạnh và việc cụ L đọc nội dung cho anh Đặng Văn Á viết hộ di chúc là hoàn toàn tự nguyện theo ý chí của cụ Cao Văn L, không bị ai ép buộc hay bị lừa dối. Mặt khác, theo lời khai của bà Cao Thị Nh, sinh năm 1952 là con thứ hai của cụ L và cụ Ch ngày 7/3/2017 (Bl,113a) cũng xác định: Vào ngày 17/9/2015 các chị em con cụ L cụ Ch đã họp thống nhất chia thừa đất cho bà Cao Thị S và anh Cao Văn B mỗi người được sử dụng $\frac{1}{2}$ thửa đất, nhưng đến khi làm thủ tục tách bìa đồ có mâu thuẫn, nên mới có tranh chấp xảy ra chứ từ trước đến nay anh chị em tình cảm B thường; Bà Cao Thị Nh cũng thừa nhận, năm 2008 cụ L (bố của bà) làm di chúc cho anh Cao Văn B $\frac{1}{2}$ thửa đất để làm nơi thờ cúng. Và Bản di chúc ngày 29/10/2008, cụ L cũng chỉ định đoạt $\frac{1}{2}$ diện tích thửa đất là phần tài sản

của mình trong khối tài sản chung của vợ chồng cụ L, cụ Ch. Do đó cấp sơ thẩm xác định Di chúc ngày 29/10/2008 của cụ L hợp pháp là có căn cứ.

Xét lời nại của các bà S, bà Th, bà Th1, bà N, bà S1 cho rằng, năm 2006 cụ Thái Thị Ch di chúc để lại toàn bộ tài sản là diện tích thửa đất thổ cư và các tài sản trên đất cho các bà S, bà Nh, bà Th, bà Th1, bà N, bà S1 $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{2}$ để làm nhà thờ cúng tổ tiên, thấy rằng: Căn cứ lời khai của ông Lê Danh S1 ngày 18/7/2017 (Bl,144) là xóm trưởng xóm 8, xã D, huyện D thời kỳ này xác định: Bản di chúc của cụ Thái Thị Ch do hai bà S và bà Th đưa đến nhà nhờ ông ký xác nhận chứ ông Lê Danh S1 không biết ai là người viết bản di chúc. Hơn nữa bà S, bà Th, bà Th1, bà N, bà S1 còn nại, khi còn sống cụ L còn di chúc để lại toàn bộ tài sản cho ông Hoàng Văn V (là con riêng cụ L, hiện đang ở xóm 9, xã D, huyện D). Mặt khác, tại thời điểm này cụ L còn sống, nhưng nội dung Di chúc của cụ Thái Thị Ch định đoạt toàn bộ tài sản trong đó có tài sản của cụ Cao Văn L mà không có ý kiến của cụ L. Do đó cấp sơ thẩm xác định Bản di chúc của cụ Thái Thị Ch năm 2006 không hợp pháp là có căn cứ.

Đối với lời nại của các bà S, bà Th, bà N, bà S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Th1 cho rằng: Năm 2006 cụ L còn di chúc cho ông Hoàng Văn V, nhưng nội dung và hình thức văn bản không đúng quy định của Bộ luật dân sự mà là Giấy lỗi lại có nội dung ủy quyền sử dụng tài sản và sau khi xét xử sơ thẩm ông Hoàng Văn V không kháng cáo đối với bản án sơ thẩm. Do đó cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của các bà S, bà Th, bà N, bà S1 và ông V về việc cụ L để di chúc để lại tài sản của cụ Cao Văn L cho ông V là có căn cứ.

Từ những phân tích, đÁ giá nêu trên, cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận yêu cầu của anh Cao Văn B về việc yêu cầu chia di sản của cụ Cao văn L theo di chúc ngày 29/10/2008 là có căn cứ.

Tuy nhiên, căn cứ đơn khởi kiện ngày 30/3/2016 và quá trình giải quyết vụ án anh Cao Văn B chỉ yêu cầu chia phần di sản anh B được hưởng theo di chúc ngày 29/10/2008 của cụ Cao Văn L, các bị đơn không có yêu cầu phản tố yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Ch để lại, nhưng bản án sơ thẩm vẫn quyết định giao phần di sản còn lại cho các bị đơn và buộc họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định. Theo quy định tại Nghị quyết 326/2016 và Điều 2 Luật người cao tuổi các bà S, bà Nh, bà Th1 là người cao tuổi được miễn án phí nhưng bản án sơ thẩm không xem xét hướng dẫn cho đương sự làm các thủ tục để được miễn nộp án phí mà buộc họ phải chịu án phí là không đúng quy định của pháp luật. Do đó cần chấp nhận một phần nội dung kháng cáo này của bà S, bà Th, bà N, bà S1 và người đại diện theo ủy

quyền của bà Th1, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng; tạm giao phần di sản còn lại của vợ chồng cụ L cụ Ch cho các đồng thừa kế quản lý và không buộc họ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp. Ngoài ra, cấp sơ thẩm xác định Bộ luật dân sự năm 2003 và một số từ ngữ chưa chuẩn xác cần chỉnh lại, nhưng cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Các bà S, bà Nh, bà Th1, bà Th, bà N và bà S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 647, 648, 650, 652, 653, 654, 656 và Điều 657 Bộ luật dân sự năm 2005; Khoản 5 điều 113 khoản 1 điều 106 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và người đại diện theo ủy quyền của bà Cao Thị Th1. Sửa Bản án sơ thẩm. Tuyên xử:

1. Giao cho anh Cao Văn B được quyền sử dụng 216m² đất là di sản thừa kế của ông Cao Văn L để lại Theo di chúc (Trong đó có 100m² đất ở, và 116m² đất vườn) có giá 156.380.000 đồng, thuộc thửa đất số 1101, tờ bản đồ số 7 (Thửa mới số 984, tờ bản đồ số 05) tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh Nghệ An. Ranh giới đất được xác định cụ thể như sau: Phía Tây giáp đường liên thôn có chiều dài là 10,56m; Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn A có chiều dài 20,5m; Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T có chiều dài 10,56m; Phía Bắc giáp phần đất là di sản còn lại tạm giao cho bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 quản lý có chiều dài 20,4m,

2. Tạm giao cho bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N, bà Cao Thị S1 và các đồng thừa kế của cụ Ch, cụ L quản lý 232,7m² đất, trong đó có 100m² đất ở và 132,7m² đất vườn (Trong diện tích đất vườn có 16,7m² đất thừa so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất), thuộc thửa đất số 1101, tờ bản đồ số 7 (Thửa mới số 984, tờ bản đồ số 05) tại xóm 8, xã D, huyện D, tỉnh

Nghệ An. Ranh giới đất cụ thể: Phía Bắc giáp đường giao thông nông thôn có chiều dài 20,2m; Phía Đông giáp đất ông Phạm Văn T dài 11,04m; Phía Tây giáp đường Giao thông xóm dài 11,88m; Phía Nam Giáp đất nhà anh Cao Văn B có chiều dài 20,4m.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Anh Cao Văn B phải chịu 7.819.000 đồng án phí chia tài sản, nhưng được khấu trừ vào số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện D theo biên lai thu số 0002404 ngày 20/4/2016.

3.2. Bà Cao Thị S, bà Cao Thị Nh, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N và bà Cao Thị S1 không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Hoàn trả cho các bà Cao Thị S, bà Cao Thị Th1, bà Cao Thị Th, bà Cao Thị N và bà Cao Thị S1 mỗi người 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, tỉnh Nghệ An theo các Biên lai thu số 0002461 ngày 03/10/2017 (Bà S); số 0002465 ngày 03/10/2017 (bà Th); số 0002462 ngày 03/10/2017 (Bà Th1 ông Th nộp thay); số 0002464 ngày 03/10/2017 (bà N) và số 0002463 ngày 03/10/2017 (bà S1).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện D, NA;
- Chi cục THADS huyện D, NA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Phần